

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 09/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27211343064	Trần Tuấn Anh	06/02/2003	Quảng Bình	30CSC5	4.7	5.5	Không Đạt	
2	28213446337	Nguyễn Quốc Chánh	14/05/2004	Đà Nẵng	31TSC10	5.0	6.5	Đạt	
3	28207204603	Nguyễn Phương Chi	19/02/2004	Gia Lai	31TSC10	9.0	7.5	Đạt	
4	25212117295	Đỗ Trọng Đại	30/10/2001	Đắk Nông	28TYC2	6.7	5.8	Đạt	
5	28211104896	Nguyễn Hải Đăng	23/02/2004	Quảng Nam	31TSC10	6.7	7.0	Đạt	
6	28212500120	Hồ Quốc Đạt	21/02/2004	Phú Yên	31SYC5	10.0	5.5	Đạt	
7	27218629919	Nguyễn Lương Triệu Đạt	31/01/2003	Đắk Lắk	30TYC11	4.3	5.0	Không Đạt	
8	27213738601	Nguyễn Mai Thành Đạt	09/07/2003	Đà Nẵng	31TSC10	V	V	Không Đạt	
9	27215252645	Lê Trung Định	06/09/2003	Bình Định	31SYC5	9.0	8.3	Đạt	
10	28212501034	Trịnh Đình Duy	05/03/2004	Đắk Nông	31SYC5	7.7	8.8	Đạt	
11	30206554115	Hoàng Thị Mỹ Duyên	18/01/2006	Quảng Trị	31TYC9	7.0	5.5	Đạt	
12	28208002019	Huỳnh Đăng Kỳ Duyên	08/10/2003	Hậu Giang	31TYC9	7.3	7.5	Đạt	
13	28206900642	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	16/01/2004	Bình Định	31TYC9	8.3	8.5	Đạt	
14	28207149493	Phạm Thị Mỹ Duyên	13/04/2004	Gia Lai	31THT7	5.0	2.9	Không Đạt	
15	26205333752	Cao Văn Hà	19/11/2002	Nghệ An	31TYC9	8.0	4.0	Không Đạt	
16	28208041965	Đoàn Thị Bích Hạnh	13/10/2004	Đắk Lắk	31TSC10	7.7	5.5	Đạt	
17	28217749263	Nguyễn Văn Hậu	02/01/2004	Quảng Nam	31SYC5	5.3	3.9	Không Đạt	
18	28212347202	Phạm Văn Hậu	08/08/2004	Đắk Nông	31SYC5	V	V	Không Đạt	
19	27204244089	Huỳnh Thị Thu Hiền	28/06/2003	An Giang	31TYC9	9.7	9.5	Đạt	
20	28204401029	Võ Thị Hiếu	07/09/2004	Kon Tum	31TYC9	8.0	4.0	Không Đạt	
21	26215342060	Lê Trần Minh Hoàng	10/03/2002	Kon Tum	31TYC9	8.7	9.0	Đạt	
22	27215201979	Nguyễn Huy Hoàng	11/10/2003	Quảng Bình	31THT10	5.7	5.8	Đạt	
23	28207701774	Trần Nguyễn Khánh Hoàng	13/09/2004	Gia Lai	31SYC5	8.7	5.0	Đạt	
24	27202120256	Võ Thiện Hoàng	10/02/2003	Quảng Nam	30TYC2	6.7	4.0	Không Đạt	
25	28214300890	Huỳnh Thị Kiều Hoanh	15/11/2004	Quảng Ngãi	31TSC10	5.7	3.3	Không Đạt	
26	27215252664	Nguyễn Đình Hồng	22/07/2002	Quảng Ngãi	31SYC5	8.7	8.3	Đạt	
27	28218004624	Lưu Đức Huệ	19/09/2004	Bình Định	31TSC10	4.0	4.0	Không Đạt	
28	28218453232	Hồ Minh Huy	26/01/2004	Đà Nẵng	31TSC10	V	V	Không Đạt	
29	28216604045	Lê Trọng Huy	20/11/2004	Quảng Trị	31TYC1	3.0	3.5	Không Đạt	
30	27212435584	Phan Minh Huy	29/04/2003	Quảng Nam	31SYC5	8.7	5.0	Đạt	
31	28218344375	Trần Quang Huy	01/09/2004	Quảng Nam	31TSC10	6.3	1.0	Không Đạt	
32	27207124663	Nguyễn Vương Thục Khanh	27/12/2003	Đà Nẵng	31TSC10	9.7	10.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28213403378	Trần Đức Kiên	10/06/2004	Quảng Ngãi	31TSC10	5.7	5.5	Đạt	
34	28218006296	Lê Trí Kiệt	20/03/2004	Phú Yên	31TSC10	7.7	5.8	Đạt	
35	27212137517	Võ Tuấn Kiệt	18/08/2003	Quảng Ngãi	30TBN2	7.3	5.0	Đạt	
36	27215252673	Phạm Phúc Lâm	08/11/2003	Bình Định	31TYC9	5.3	4.0	Không Đạt	
37	28218001585	Vũ Tài Lân	04/01/2004	Kon Tum	31TSC10	4.0	3.5	Không Đạt	
38	28213454072	Trần Tấn Linh	02/07/2004	Quảng Ngãi	31TSC10	6.7	3.9	Không Đạt	
39	28204646622	Phạm Thị Mai Loan	30/08/2004	Đà Nẵng	31SYC4	7.3	3.5	Không Đạt	
40	28218045425	Mai Hoàng Lộc	31/03/2004	Quảng Nam	31TSC10	7.0	4.1	Không Đạt	
41	28214332370	Văn Bá Bảo Lộc	16/01/2004	Đà Nẵng	31TYC9	5.7	5.0	Đạt	
42	28212404180	Hồ Nguyễn Tiến Lợi	25/06/2004	Quảng Trị	31TSC10	5.7	4.3	Không Đạt	
43	27202140103	Bùi Thị Kim Ly	13/11/2003	Quảng Ngãi	30TBN2	3.3	5.0	Không Đạt	
44	28204902943	Cao Thị Ly	09/06/2004	Quảng Nam	31TSC10	9.3	8.3	Đạt	
45	28206227190	Mai Thị Kim Lý	26/01/2004	Đà Nẵng	31THT7	6.0	5.0	Đạt	
46	28206701752	Đinh Thị Xuân Mai	26/07/2004	Quảng Trị	31SYC5	8.7	5.5	Đạt	
47	26205339303	Trần Tuyết Mai	05/09/2001	Bình Phước	31TYC9	8.0	7.5	Đạt	
48	28212303952	Hồ Mừng	08/08/2004	Đà Nẵng	31SYC5	5.3	8.0	Đạt	
49	28206254569	Lê Thị Trà My	23/03/2002	Quảng Bình	31TSC10	8.0	5.5	Đạt	
50	27215202879	Nguyễn Kiều My	18/03/2003	Hà Nội	31TYC9	5.3	5.3	Đạt	
51	28208004207	Phạm Huyền Na	26/10/2003	Đắk Lắk	31TYC9	9.7	9.0	Đạt	
52	28217702814	Vũ Hoài Nam	08/02/2004	Gia Lai	31SYC5	8.7	8.0	Đạt	
53	28204602381	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	22/01/2004	Quảng Ngãi	30TBN12	4.3	7.0	Không Đạt	
54	28204400089	Bùi Thị Thảo Ngân	28/04/2004	Gia Lai	31TYC9	9.7	8.0	Đạt	
55	28204953969	Huỳnh Phúc Ngân	13/01/2004	Phú Yên	29CBN6	4.0	4.1	Không Đạt	
56	28206504158	Nguyễn Thị Thanh Ngân	25/12/2004	Đà Nẵng	31SYC5	8.7	5.3	Đạt	
57	26215342454	Phạm Đình Hữu Nghĩa	31/10/2002	Lâm Đồng	31TYC9	8.7	8.5	Đạt	
58	28208004373	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/08/2003	Đà Nẵng	31SYC5	9.0	7.0	Đạt	
59	28207704612	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	13/11/2004	Đà Nẵng	31SYC5	9.7	8.0	Đạt	
60	28204653373	Phan Bích Ngọc	02/09/2004	Hà Tĩnh	31TYC9	8.0	5.5	Đạt	
61	28208204435	Lê Yên Nhi	16/09/2004	Gia Lai	31TYC9	9.3	6.5	Đạt	
62	28204853942	Nguyễn Thị Yến Nhi	06/02/2004	Quảng Nam	31TBN8	8.3	5.8	Đạt	
63	29206544657	Nguyễn Thị Yến Nhi	07/09/2005	Quảng Ngãi	31TYC9	8.0	3.5	Không Đạt	
64	28208126220	Uông Thị Quỳnh Như	13/10/2003	Đắk Lắk	31TSC5	7.3	6.0	Đạt	
65	27212253748	Trương Mai Oanh	22/10/2003	Quảng Trị	31TSC10	5.3	3.5	Không Đạt	
66	28213243451	Trần Hữu Thanh Phong	03/02/2004	Quảng Nam	31TYC9	5.0	5.5	Đạt	
67	28212740003	Hồ Duy Phú	24/06/2004	Đà Nẵng	31TYC9	8.7	6.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28218104213	Huỳnh Văn	Phúc	19/09/2004	Đà Nẵng	31TSC10	7.7	6.8	Đạt	
69	28204302369	Lâm Như	Phúc	15/06/2004	Bình Định	31THT8	8.3	5.0	Đạt	
70	28218251544	Phan Nguyễn Hoàng	Phúc	14/07/2004	Quảng Nam	31TYC9	9.0	6.5	Đạt	
71	27206628703	Vũ Thị Minh	Phuong	12/06/2003	Nam Định	31THT3	6.7	2.3	Không Đạt	
72	28218042132	Nguyễn Thanh	Rin	01/11/2004	Đà Nẵng	31TSC10	4.3	5.5	Không Đạt	
73	28217706788	Nguyễn Minh	Tài	12/02/2004	Nghệ An	31SYC5	7.3	4.1	Không Đạt	
74	28206502758	Trần Đặng Thị Khánh	Tâm	25/12/2004	Quảng Nam	31TYC9	4.0	5.8	Không Đạt	
75	28207700427	Võ Thị Thanh	Tâm	07/04/2004	Đà Nẵng	31SYC5	8.3	5.5	Đạt	
76	28212704157	Triệu Minh	Thành	06/05/2004	Gia Lai	31TYC9	7.7	6.0	Đạt	
77	28204322977	Hồ Thị Thanh	Thảo	07/03/2004	Hồ Chí Minh	31SSC2	8.0	5.8	Đạt	
78	28208005404	Nguyễn Nho Phuong	Thảo	30/01/2004	Quảng Nam	31TSC10	9.3	8.0	Đạt	
79	26205339335	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/10/2001	Quảng Nam	31TYC9	6.0	5.5	Đạt	
80	28208154549	Võ Thị Phương	Thảo	27/10/2004	Quảng Nam	31TYC9	6.3	5.5	Đạt	
81	27215352341	Võ Ngọc	Thiện	17/11/2003	Khánh Hòa	31TBN8	7.0	5.0	Đạt	
82	26205341898	Nguyễn Ý	Thơ	03/10/2002	Khánh Hòa	31TYC9	9.7	8.3	Đạt	
83	27212245501	Huỳnh Lâm Anh	Thư	20/07/2003	Kon Tum	30THT17	5.3	5.3	Đạt	
84	28204602596	Lê Minh	Thư	05/01/2004	Quảng Ngãi	30TBN13	4.7	8.3	Không Đạt	
85	28206204300	Phan Thanh	Thúy	20/12/2004	Gia Lai	31SYC5	9.0	8.0	Đạt	
86	27206634901	Hứa Trần Thị Thúy	Tiên	27/09/2003	Quảng Nam	31THT3	6.0	5.0	Đạt	
87	27213231525	Ngô Nguyên	Toàn	28/08/2003	Quảng Nam	31TSC10	9.7	9.0	Đạt	
88	28206702059	Ngô Thị Diệu	Trâm	13/04/2004	Quảng Trị	31TYC9	6.3	5.5	Đạt	
89	28204301443	Ông Thị Tổ	Trâm	29/06/2004	Đà Nẵng	31TSC10	9.7	8.0	Đạt	
90	28208202034	Lê Nguyên Bảo	Trân	10/04/2004	Đà Nẵng	31TYC9	7.0	8.0	Đạt	
91	28206200590	Lương Huyền	Trang	18/10/2004	Gia Lai	31TSC5	6.3	5.0	Đạt	
92	28207130716	Nguyễn Hoàng Thùy	Trang	25/11/2004	Đắk Lắk	31SYC5	9.0	6.0	Đạt	
93	27205245967	Nguyễn Thị Thùy	Trang	04/06/2003	Đà Nẵng	31SYC5	7.0	8.5	Đạt	
94	27212203048	Đặng Ngọc Hữu	Trí	10/08/2003	Quảng Ngãi	30SSC2	4.3	6.5	Không Đạt	
95	28212301196	Đoàn Anh Nhật	Trí	03/08/2004	Quảng Nam	31SYC5	5.0	7.5	Đạt	
96	27212125683	Từ Quang	Trí	10/11/2003	Đà Nẵng	31THT8	6.0	6.0	Đạt	
97	28206222896	Huỳnh Thị Việt	Trình	01/10/2004	Đà Nẵng	31TYC9	9.7	8.0	Đạt	
98	27202702632	Nguyễn Thị	Trình	17/07/2003	Đà Nẵng	30THT17	7.0	3.3	Không Đạt	
99	28218004225	Nguyễn Xuân	Trưởng	20/03/2004	Thanh Hóa	31TSC10	9.3	5.5	Đạt	
100	27207221532	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	20/04/2003	Quảng Ngãi	31SSC1	4.3	5.0	Không Đạt	
101	28208100046	Nguyễn Tú	Uyên	05/09/2004	Đà Nẵng	31TSC10	4.7	5.0	Không Đạt	
102	27211224995	Đinh Thanh	Việt	10/02/2003	Đà Nẵng	31TSC10	V	V	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	29212455422	Thái Hoàng	Việt	07/03/2005	Quảng Trị	31SYC5	8.7	9.0	Đạt	
104	28212705795	Nguyễn Long	Vũ	29/06/2004	Quảng Ngãi	31TYC9	6.0	6.5	Đạt	
105	26212130996	Nguyễn Phước Long	Vũ	16/06/2002	Thừa Thiên H	29CHT3	6.3	5.5	Đạt	
106	28216801245	Lê Công Nguyên	Vỹ	26/04/2004	Quảng Nam	31SYC5	V	V	Không Đạt	
107	28208122880	Hồ Thị Thanh	Xuân	25/12/2004	Quảng Nam	31TYC9	7.7	5.5	Đạt	
108	28208251532	Bùi Hải	Yến	18/05/2004	Gia Lai	31TYC9	8.0	5.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh